

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THỦY LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THỦY LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI THUY LONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109995106

3. Ngày thành lập: 13/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 46, ngõ 68 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0398988833

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
2.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ động vật hoang dã)	4641
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm)	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm)	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại 2005).	8299

14.	Giáo dục thể thao và giải trí (trừ kinh doanh vũ trường, sàn nhảy)	8551
15.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ kinh doanh vũ trường, sàn nhảy)	8552
16.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	9000
17.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
18.	Hoạt động thể thao khác (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	9319
19.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
20.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
23.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ: hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán)	7020
24.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá và quảng cáo trên không)	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động báo chí; hoạt động của phóng viên)	7420
27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
28.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)	4690
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc láo)	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bia, rượu)	4723
34.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
35.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
36.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
38.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

39.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
40.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
41.	Sản xuất đường	1072
42.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
43.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
45.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
46.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
47.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
48.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
49.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
50.	Sản xuất giày, dép	1520
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
52.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
53.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
54.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
55.	In ấn (Trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)	1811
56.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
57.	Sao chép bản ghi các loại	1820
58.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
61.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
64.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
65.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
66.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
67.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
68.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
71.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
72.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812

73.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
74.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
75.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
76.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
77.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
78.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
79.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
80.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
81.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
82.	Sản xuất máy luyện kim	2823
83.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
84.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
85.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
86.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
87.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc láo)	4781
88.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
89.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
90.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
91.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Kinh doanh vàng miếng; Hoạt động đấu giá	4789
92.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791(Chính)
93.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá	4799
94.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
95.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
96.	Cơ sở lưu trú khác	5590
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
101.	Xuất bản phần mềm Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm	5820

102.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
103.	Hoạt động hậu kỳ	5912
104.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ Hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
105.	Hoạt động chiếu phim	5914
106.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Loại trừ kinh doanh karaoke)	5920
107.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
108.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
109.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
110.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ cho thuê máy bay)	7730
111.	Đại lý du lịch	7911
112.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa. - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài. (Điều 30 Luật Du lịch 2017)	7912
113.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
114.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
115.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
116.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
117.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
118.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
119.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
120.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
121.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
122.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
123.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
124.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
125.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

126.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
127.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
128.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
129.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4761
130.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4762
131.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
132.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	4764
133.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
134.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; - Bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn; - Bán lẻ tem và tiền kim khí; - Kinh doanh vàng miếng	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH TÙNG	Số 46, ngõ 68 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.750	497.500.000	49,750	0220960002 94	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.750	497.500.000	49,750		
2	HOÀNG THI QUỲNH DIỄM	Số 46, ngõ 68 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	0,500	0363000103 51	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500	5.000.000	0,500		

3	PHẠM ĐỨC LONG	Số 46, ngõ 68 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.750	497.500.000	49,750	132375306
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	49.750	497.500.000	49,750	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022096000294

Ngày cấp: 20/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, Khu 7, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 46, ngõ 68 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội